

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025 - 2026

I. KHÁI QUÁT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM HỌC:

Năm học 2025 - 2026 diễn ra trong bối cảnh giáo dục đại học trong nước và quốc tế tiếp tục có nhiều chuyển biến mạnh mẽ, đồng thời là năm học ghi nhận những thay đổi mang tính bước ngoặt về thể chế, hành lang pháp lý và định hướng chiến lược đối với Học viện Phụ nữ Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Học viện đã xác định mục tiêu trọng tâm là “Đoàn kết, đổi mới sáng tạo, quyết tâm thực hiện thành công nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo trong Học viện” với nhiều mục tiêu đột phá nhằm thực hiện thắng lợi Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045.

Mục tiêu năm học đó là:

Tổ chức tốt các hoạt động đào tạo, giảng dạy, đảm bảo đúng chương trình, kế hoạch đã ban hành; đảm bảo sự ổn định và nghiêm túc trong hoạt động dạy và học.

Tập trung, đầu tư mọi nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, trong đó đẩy mạnh các giải pháp nhằm cải thiện kết quả học tập của sinh viên ở từng học phần, học kỳ, giảm tỉ lệ sinh viên thôi học so với năm học trước, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp và tốt nghiệp đúng hạn.

Tập trung đánh giá/khảo sát nhu cầu xã hội, đánh giá điều kiện thực tế của Học viện và các quy định pháp luật hiện hành để xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng, đặc thù, thu hút người học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Các hoạt động rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, rà soát, chỉnh sửa đề cương chi tiết các học phần đúng quy định của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26/6/2021 của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện tốt các dịch vụ hành chính liên quan đến người học trong hoạt động đào tạo, trong đó tập trung tư vấn, hỗ trợ, đôn đốc người học xây dựng mục tiêu và hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn; đảm bảo gia tăng sự hài lòng của người học đối với hoạt động đào tạo, giảng dạy của Học viện.

Tổ chức thành công Lễ Khai giảng năm học 2025 - 2026, Lễ Bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho sinh viên, học viên theo đúng kế hoạch; tạo môi trường

giáo dục tích cực, lan tỏa tinh thần học tập, nghiên cứu, khơi dậy động lực cống hiến và phát triển trong đội ngũ giảng viên, viên chức và người học.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

2.1. Kết quả hoạt động xây dựng đề án mở ngành, chỉnh sửa chương trình đào tạo

Trong năm học 2025- 2026, Học viện đã nghiên cứu, xây dựng và mở mới 04 chương trình đào tạo trình độ đại học, gồm: Chương trình Thiết kế và Phát triển game thuộc ngành Công nghệ thông tin; Chương trình Truyền thông xã hội thuộc ngành Truyền thông đa phương tiện; Chương trình Phát triển và Quản lý dịch vụ thuộc ngành Công tác xã hội; và Chương trình chất lượng cao ngành Kinh tế. Việc xây dựng và mở mới các chương trình đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm tuân thủ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học; Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT.

Công tác đánh giá, rà soát, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo được triển khai thường xuyên, bảo đảm bám sát yêu cầu của thị trường lao động, xu hướng phát triển của xã hội và các chuẩn mực đào tạo hiện đại; đồng thời chú trọng tích hợp các năng lực cốt lõi cho người học như kỹ năng số, kỹ năng mềm, năng lực ngoại ngữ và khả năng thích ứng nghề nghiệp. Trong năm học, Học viện đã tổ chức đánh giá, điều chỉnh 02 chương trình đào tạo trình độ đại học và 02 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, công tác rà soát, cập nhật đề cương chi tiết học phần được các khoa chuyên môn thực hiện định kỳ, thường xuyên theo quy trình quản lý chất lượng ISO và các quy định hiện hành của Học viện. Nội dung đề cương được điều chỉnh theo hướng cập nhật kiến thức mới, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá và tăng cường ứng dụng công nghệ số trong dạy học, góp phần bảo đảm tính đồng bộ, liên thông và nâng cao chất lượng thực hiện chương trình đào tạo.

2.2. Công tác đăng ký học tập, xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ

Về công tác đăng ký học phần: Căn cứ khung kế hoạch năm học 2025-2026, Học viện tổ chức cho sinh viên đăng ký học phần theo từng học kỳ đảm bảo đúng quy định của Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 568/QĐ-HVPNVN ngày 29/05/2026. Việc đăng ký học phần được triển khai theo các đợt:



- + Đợt 1: từ tuần 14 đến tuần 15 của học kỳ trước liền kề
- + Đợt 2: Sau 2 tuần đầu của học kỳ mới, danh cho sinh viên đăng ký bổ sung hoặc hủy học phần.
- + Đợt 3: Dành cho sinh viên đăng ký các học phần với khóa mới hoặc các học phần phát sinh theo nhu cầu đào tạo.

Trước mỗi đợt đăng ký học phần, Phòng Đào tạo tham mưu Ban Giám đốc ban hành kế hoạch và thông báo triển khai trên các hệ thống số của Học viện, trong đó quy định rõ tiến độ thực hiện, trách nhiệm của các đơn vị, cố vấn học tập và người học Công tác tư vấn học tập được thực hiện thông qua sự phối hợp giữa các Khoa, Viện chuyên môn, cố vấn học tập và các kênh hỗ trợ trực tuyến, giúp sinh viên chủ động xây dựng lộ trình học tập phù hợp với chương trình đào tạo.

Trong quá trình tổ chức đăng ký học phần, Học viện chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp chặt chẽ trong việc vận hành hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, giám sát hạ tầng công nghệ thông tin và bảo đảm năng lực xử lý của hệ thống. Nhờ đó, việc đăng ký học phần được thực hiện ổn định, đáp ứng nhu cầu truy cập đồng thời của sinh viên, góp phần nâng cao trải nghiệm người dùng và hiệu quả quản lý đào tạo.

Trên cơ sở chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo năm học 2025-2026 và kết quả đăng ký học phần của người học, Phòng Đào tạo phối hợp với các khoa, viện chuyên môn xây dựng kế hoạch giảng dạy, phân công giảng viên, lập thời khóa biểu và tham mưu ban hành các phụ lục kế hoạch đào tạo của từng học kỳ. Các hoạt động được triển khai trên nền tảng số, bảo đảm tính thống nhất, kịp thời và thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành.

Kế hoạch năm học, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học tập và các thông báo liên quan được công khai trên hệ thống quản lý đào tạo, cổng thông tin điện tử và tài khoản cá nhân của người học. Việc cung cấp thông tin theo hướng cá nhân hóa giúp người học dễ dàng tra cứu, theo dõi tiến độ học tập và chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp.

Trong năm học 2025-2026, Học viện tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và tổ chức đào tạo. Hệ thống quản lý đào tạo được tích hợp, liên thông với các phân hệ công tác sinh viên, khảo thí, bảo đảm chất lượng, tài chính và các dịch vụ hỗ trợ người học; đồng thời mở rộng ứng dụng quy trình xử lý trực tuyến và các công cụ hỗ trợ quản trị dữ liệu. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ số đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch trong cung cấp thông tin và tạo môi trường học tập thuận lợi, hiện đại cho người học, phù hợp với định hướng chuyển đổi số của Học viện trong giai đoạn hiện nay.



**Bảng 1: Tình hình đăng ký học tập, giảng dạy của năm học 2025-2026.
Học kỳ 1:**

STT	Ngành đào tạo	Số sinh viên hiện có	Số sinh viên đăng ký tín chỉ	Số sinh viên bảo lưu	Số lớp tín chỉ trong học kỳ	Số lớp do giảng viên cơ hữu giảng	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu giảng dạy ¹
1	Công tác xã hội	479	479	2	51	45	92.1
2	Quản trị du lịch và lữ hành	749	746	5	72	66	93.2
3	Giới và Phát triển	269	268	1	38	33	87.8
4	Kinh tế	624	606	11	51	43	87.5
5	Luật kinh tế	638	632	3	55	53	98.7
6	Luật	763	763	1	69	61	92.0
7	Quản trị kinh doanh	805	796	3	89	81	91.0
8	Quản trị kinh doanh CLC	50	50	1	10	9	89.1
9	Kinh tế số	309	312	3	36	34	95.7
10	Tâm lý học	694	694	9	73	62	87.6
11	Truyền thông đa phương tiện	1065	1055	7	95	91	97.7
12	Công nghệ thông tin	593	593	3	73	68	96.5
13	Marketing	114	114	0	12	9	82.1
Tổng số		7152	7108	49	724	655	93.0

¹ Tính theo số tín chỉ do GV cơ hữu giảng trên tổng số tín chỉ của học kỳ/ năm học.

Học kỳ 2:

STT	Ngành đào tạo	Số sinh viên hiện có	Số sinh viên đăng ký tín chỉ	Số sinh viên bảo lưu	Số lớp tín chỉ trong học kỳ	Số lớp do giảng viên cơ hữu giảng	Tỷ lệ giảng viên cơ hữu giảng dạy ²
1	Công tác xã hội	457	425	11	55	45	81.8
2	Quản trị du lịch và lữ hành	727	691	6	69	59	84.1
3	Giới và Phát triển	247	247	6	39	26	69.0
4	Kinh tế	600	594	8	63	50	78.5
5	Luật kinh tế	616	606	8	65	49	72.1
6	Luật	730	718	9	78	66	82.8
7	Quản trị kinh doanh	757	738	11	74	62	82.7
8	Quản trị kinh doanh CLC	50	50	0	9	9	100
9	Kinh tế số	302	302	2	41	27	64.7
10	Tâm lý học	675	673	11	66	46	69.3
11	Truyền thông đa phương tiện	1033	1002	8	88	76	87.2
12	Công nghệ thông tin	564	563	10	59	46	76.9
13	Marketing	110	110	4	17	14	78.0
Tổng cộng		6868	6722	95	723	575	78.7

Năm học 2025-2026, công tác đăng ký học tập và tổ chức giảng dạy của Học viện được triển khai ổn định, đáp ứng nhu cầu học tập của người học và bảo đảm tiến độ đào tạo theo kế hoạch năm học. Việc ứng dụng hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong đăng ký học phần và theo dõi kế hoạch học tập.

Trong học kỳ I, Học viện có 7.152 sinh viên đang theo học, trong đó có 7.108 sinh viên đăng ký học phần, đạt tỷ lệ 99,4%; số sinh viên bảo lưu là 49. Học viện tổ chức 724 lớp tín chỉ với 655 lớp do giảng viên cơ hữu đảm nhiệm, đạt tỷ lệ 93,0%. Đây là tỷ lệ khá cao, cho thấy đội ngũ giảng viên cơ hữu giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động đào tạo. Nhiều ngành có tỷ lệ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy trên 95% như Luật kinh tế (98,7%), Truyền thông đa phương tiện (97,7%), Công nghệ thông tin (96,5%) và Kinh tế số (95,7%).

Trong học kỳ II, tổng số sinh viên đang học là 6.868 sinh viên, có 6.722 sinh viên đăng ký học phần, đạt tỷ lệ 97,9%; số sinh viên bảo lưu là 95, tăng 46 sinh viên so với học kỳ I. Học viện tổ chức 723 lớp tín chỉ, tương đương học kỳ I, tuy

² Tính theo số tín chỉ do GV cơ hữu giảng trên tổng số tín chỉ của học kỳ/ năm học.

nhiên số lớp do giảng viên cơ hữu đảm nhiệm là 575 lớp, đạt tỷ lệ 78,7%, giảm 14,3 điểm phần trăm so với học kỳ I.

Xét theo quy mô đào tạo, các ngành Quản trị kinh doanh, Luật, Truyền thông đa phương tiện, Quản trị du lịch và lễ hành, Tâm lý học và Công nghệ thông tin tiếp tục là những ngành có số lượng người học lớn, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng quy mô đào tạo của Học viện. Điều này cho thấy sức hút và nhu cầu xã hội đối với các ngành đào tạo này tiếp tục duy trì ở mức cao.

So sánh giữa hai học kỳ cho thấy số lượng lớp tín chỉ được duy trì ổn định (724 lớp ở học kỳ I và 723 lớp ở học kỳ II), phản ánh việc xây dựng kế hoạch đào tạo tương đối phù hợp với nhu cầu học tập của người học. Tuy nhiên, tỷ lệ giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy giảm từ 93,0% xuống 78,7%, cho thấy nhu cầu sử dụng giảng viên thỉnh giảng hoặc giảng viên kiêm nhiệm tăng lên ở một số ngành đào tạo. Một số ngành có mức giảm đáng chú ý như Kinh tế số, Giới và Phát triển, Tâm lý học, Luật kinh tế và Công nghệ thông tin.

Nhìn chung, công tác đăng ký học tập và tổ chức giảng dạy năm học 2025-2026 được thực hiện đúng kế hoạch, tỷ lệ sinh viên đăng ký học phần đạt mức cao, quy mô lớp học được duy trì ổn định và đội ngũ giảng viên cơ hữu tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong hoạt động đào tạo. Kết quả này cho thấy Học viện đã chủ động trong công tác quản lý đào tạo, phân bổ nguồn lực giảng dạy và ứng dụng công nghệ số trong quản trị đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện trong giai đoạn hiện nay

2.3. Công tác tổ chức giảng dạy, học tập

Việc tổ chức đào tạo trong năm học 2025-2026 được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy chế đào tạo của Học viện, kế hoạch năm học và lịch giảng dạy đã công bố. Công tác giảng dạy được triển khai ổn định, đáp ứng yêu cầu đào tạo theo chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo. Tỷ lệ lớp học phần do giảng viên cơ hữu đảm nhiệm đạt khoảng 85,9% trong toàn năm học, thể hiện vai trò nòng cốt của đội ngũ giảng viên cơ hữu trong hoạt động đào tạo.

Học viện tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong tổ chức dạy học, quản lý đào tạo và hỗ trợ người học. 100% giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng sử dụng hiệu quả hệ thống quản lý đào tạo, hệ thống quản lý học tập (LMS), nền tảng Microsoft Teams và các công cụ số trong tổ chức giảng dạy, kiểm tra đánh giá, trao đổi học thuật và hỗ trợ người học. Các hoạt động quản lý lớp học, điểm danh, giao bài tập, đánh giá quá trình và công bố kết quả học tập từng bước được thực hiện trên môi trường số, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo.

Học viện đã ban hành và công khai các chương trình đào tạo; xây dựng kế hoạch đào tạo toàn khóa, kế hoạch năm học và lịch học kỳ bảo đảm tính khoa học,



đồng bộ và phù hợp với quy định hiện hành. Công tác xây dựng thời khóa biểu, mở lớp học phần và phân công giảng viên được triển khai từ tuần 10 đến tuần 12 của học kỳ trước trên hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị chuyên môn, giảng viên và người học chủ động trong việc lập kế hoạch giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Việc phân công giảng dạy được thực hiện trên cơ sở năng lực chuyên môn, trình độ đào tạo, kinh nghiệm giảng dạy và định hướng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Công tác duyệt giảng được Ban Giám đốc Học viện, các khoa, viện chuyên môn quan tâm chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc; đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy đều đáp ứng các yêu cầu về trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm và chuẩn chức danh theo quy định. Đồng thời, Học viện tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu và theo dõi hoạt động giảng dạy, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng đào tạo.

Công tác phát triển học liệu và chuẩn hóa nội dung đào tạo tiếp tục được Học viện chú trọng triển khai theo định hướng chuyển đổi số. 100% học phần đã được xây dựng và công bố đề cương chi tiết trên hệ thống quản lý đào tạo; các giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và học liệu điện tử được thường xuyên cập nhật, bổ sung. Việc số hóa học liệu, tích hợp tài nguyên học tập trên các nền tảng số góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, tăng khả năng tự học, tự nghiên cứu của người học và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay.

Công tác kiểm tra, đánh giá học phần được Học viện tổ chức thường xuyên, nghiêm túc và đúng quy định, từng bước hình thành nền nếp, kỷ cương trong hoạt động đào tạo. Hình thức đánh giá được đa dạng hóa theo hướng tăng cường đánh giá quá trình, đánh giá năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng thực hành, góp phần phát triển tư duy độc lập, năng lực nghiên cứu, phân tích và tổng hợp của người học, đáp ứng chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo.

Công tác tổ chức thi, kiểm tra và chấm thi được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm tính trung thực, khách quan và công bằng. Việc coi thi, giám sát và xử lý vi phạm quy chế thi được thực hiện nghiêm túc; các trường hợp vi phạm của cán bộ coi thi và sinh viên đều được nhắc nhở, xử lý hoặc kỷ luật theo quy định hiện hành. Quy trình chấm thi được thực hiện đúng quy định của Học viện, bảo đảm tính độc lập và khách quan, mỗi học phần được chấm theo hai vòng độc lập. Đối với các bài thi có kết quả điểm cao (từ 9,0 trở lên), Học viện thực hiện đối sánh, thẩm định lại kết quả sau khi khớp điểm nhằm bảo đảm độ chính xác và minh bạch trong đánh giá kết quả học tập.

Công tác đào tạo trình độ thạc sĩ được Học viện tổ chức thực hiện nghiêm túc, tuân thủ quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện. Trong năm học 2025 - 2026, Học viện đã tổ chức bảo vệ



đề án tốt nghiệp cho 35 học viên cao học thuộc 03 ngành đào tạo, gồm: Công tác xã hội 27 học viên, Quản trị kinh doanh 04 học viên và Luật 04 học viên. Việc tổ chức bảo vệ được thực hiện đúng tiến độ, quy trình và yêu cầu chất lượng theo quy định.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ tiếp tục được rà soát, cập nhật và hoàn thiện theo quy định hiện hành. Hệ thống giáo trình, tài liệu giảng dạy và cơ sở dữ liệu phục vụ đào tạo được tăng cường đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo sau đại học. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đào tạo sau đại học cơ bản đáp ứng yêu cầu về số lượng, cơ cấu và chất lượng, bảo đảm thực hiện hiệu quả công tác giảng dạy.

2.4. Kết quả học tập của người học

Số sinh viên biến động giảm ở năm học 2025-2026, trong đó số sinh viên xin thôi học toàn trường là 311 sinh viên; số sinh viên bị buộc thôi học là 183 sinh viên, học viên (trong đó có 07 học viên cao học); số sinh viên bị cảnh báo học tập (tính đến kỳ 1 năm học 2025- 2026, kỳ 2 chưa có số liệu) là 69 sinh viên.

Tỷ lệ thôi học năm học 2025 - 2026 (tính đến thời điểm báo cáo 22/6/2026) là: 311/7.215 sinh viên chiếm tỷ lệ 4.3% (đảm bảo <10% theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về chuẩn cơ sở giáo dục), riêng số sinh viên thôi học người học năm đầu - Khoá 13 là 82/2.252 sinh viên chiếm tỷ lệ 3.6%% (đảm bảo dưới 15% theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về chuẩn cơ sở giáo dục).

Nhìn chung sinh viên có ý thức học tập tương đối nghiêm túc, tích cực học tập để hoàn thành chương trình đào tạo, ý thức và kết quả học tập có chiều hướng đi lên vào các năm học cuối khoá; có ý thức nghiêm túc trong việc chấp hành đúng và đầy đủ nội quy, quy chế, quy định; có tinh thần tham gia các hoạt động của Học viện, của ngành. Tuy nhiên, còn có một số sinh viên tinh thần chủ động, tự học, tự nghiên cứu còn yếu, năng lực học tập Tiếng Anh của một số sinh viên còn hạn chế, đi học muộn, làm việc riêng, ăn uống, sử dụng điện thoại trong giờ học, chưa cân đối được thời gian học tập và đi làm thêm gây ảnh hưởng đến việc học tập; giao tiếp, ứng xử với cán bộ, giảng viên; trang phục đến trường còn chưa phù hợp với quy định, ngại tham gia các hoạt động ngoại khoá....

Đối với học viên liên thông, cao học, nghiên cứu sinh:

Tinh thần, ý thức học tập nghiêm túc, có ý thức tích cực khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành chương trình đào tạo. Nghiêm túc thực hiện nội quy, quy chế, kế hoạch đào tạo, có ý thức tích cực, sôi nổi trong thảo luận, làm bài tập nhóm,... Tuy nhiên vẫn còn có học viên ngại phát biểu trên lớp, còn phải đôn đốc nhiều trong quá trình học tập.

Bảng 2: Tổng hợp kết quả học tập của sinh viên đại học chính quy năm học 2024-2025

Học kỳ 1

ST T	Ngành đào tạo	Tỷ lệ xếp loại học tập của sinh viên(%)					
		<i>Xuất sắc</i>	<i>Giỏi</i>	<i>Khá</i>	<i>Đạt</i>	<i>Không đạt (yếu/ kém)</i>	<i>Chưa xếp loại</i>
1.	Quản trị kinh doanh CLC	0	8	80	10	2	0
2.	Công nghệ thông tin	3.33	16	40.17	21.5	15.17	3.83
3.	Công tác xã hội	1.25	15.21	53.13	18.33	8.55	3.83
4.	Quản trị du lịch và lữ hành	0.67	12.03	60.96	18.72	5.62	2.01
5.	Giới và Phát triển	1.1	13.6	50.37	18.75	10	6.99
6.	Kinh tế	2.47	20.72	56.91	13.32	3.45	3.13
7.	Kinh tế số	2.56	17.57	55.59	18.85	2.88	2.56
8.	Luật kinh tế	0.95	9.31	48.74	26.5	11.04	3.47
9.	Luật	1.57	11.91	50.13	23.3	10.61	2.49
10.	Quản trị kinh doanh	1.13	18.34	55.03	16.33	6.91	2.26
11.	Tâm lý học	7.12	22.08	48.01	15.24	3.85	3.7
12.	Truyền thông đa phương tiện	16.95	2.79	46.57	4.29	2.28	2.0
13.	Marketing	2.61	4.35	55.65	31.3	4.35	1.74
Tỷ lệ trung bình toàn Học viện		4.42	17.25	51.44	17.06	6.89	2.93

Học kỳ 2 (Chưa kết thúc học kỳ)



Bảng 3: Số lượng sinh viên bị cảnh báo học tập, buộc thôi học trong năm học 2025-2026 (chưa có kết quả xét học vụ đợt 3 của học kỳ 2 năm học 2025-2026)

STT	Ngành đào tạo	Số sinh viên bị cảnh báo			Số sinh viên bị buộc thôi học			Số sinh viên xin thôi học		
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Tổng	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Tổng	Học kỳ 1	Học kỳ 2	Tổng
1.	Quản trị kinh doanh CLC	0			2	0		0	0	0
2.	Công nghệ thông tin	18			6	8		13	8	21
3.	Công tác xã hội	03			5	5		3	6	9
4.	Quản trị du lịch và lữ hành	03			10	6		2	8	10
5.	Giới và Phát triển	04			8	12		6	4	10
6.	Kinh tế	04			5	7		6	4	10
7.	Kinh tế số	0			2	2		6	3	9
8.	Luật kinh tế	11			8	6		6	4	10
9.	Luật	11			18	7		7	2	9
10.	Quản trị kinh doanh	08			11	14		15	3	18
11.	Tâm lý học	03			5	7		7	1	8
12.	Truyền thông đa phương tiện	04			11	11		14	3	17
13	Marketing	0			0	0		1	2	3
	Tổng số	69			91	85		86	48	134



Bảng 4: Tình hình tốt nghiệp của sinh viên, học viên năm học 2025 - 2026**- Kết quả tốt nghiệp trình độ đại học:**

ST T	Ngành đào tạo	Số sinh viên năm thứ tư	Số sinh viên tốt nghiệp đúng hạn	Số sinh viên tốt nghiệp quá hạn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn tính đến T6/2026	Thời gian tốt nghiệp trung bình ³
1	Công tác xã hội	52	24	5	46.1	4.03
2	Quản trị du lịch và lữ hành	156	73	4	46.8	4.05
3	Giới và Phát triển	38	25	0	65.7	4.0
4	Kinh tế	141	8	8	5.6	4.50
5	Luật kinh tế	120	57	5	47.5	4.08
6	Luật	144	80	5	55.5	4.02
7	Quản trị kinh doanh	132	87	11	65.9	4.11
8	Quản trị kinh doanh CLC	24	4	0	16.0	4.0
9.	Tâm lý học	87	39	1	44.8	4.01
10	Công nghệ thông tin	109	62	2	56.8	4.02
11	Truyền thông đa phương tiện	259	201	17	77.6	4.07
	Tổng số	1262	660	58	52.3%	4.08

- Kết quả tốt nghiệp trình độ thạc sĩ trong năm 2025 - 2026:

STT	Ngành đào tạo	Số học viên năm thứ hai	Số học viên tốt nghiệp đúng hạn	Số học viên tốt nghiệp quá hạn	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn tính đến T6/2026	Thời gian tốt nghiệp trung bình ⁴
1	Công tác xã hội	27	21	6	77.7	2.2
2	Quản trị kinh doanh	4	2	5	50.0	2.7
3	Luật	6	4	0	66.6	2.0
	Tổng số	37	27	11	72%	2.28

Kết quả tốt nghiệp năm học 2025 - 2026 cho thấy công tác đào tạo của Học viện cơ bản bảo đảm chất lượng, với thời gian tốt nghiệp trung bình của người học tương đối sát với thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn ở trình độ đại học đạt 52,3% (đảm bảo trên 40%% theo Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về chuẩn cơ sở giáo dục). Tuy nhiên để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất

³ Cộng tổng thời gian học của sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên tốt nghiệp trong năm học và quy đổi ra TB

⁴ Cộng tổng thời gian học của sinh viên tốt nghiệp/ tổng số sinh viên tốt nghiệp trong năm học và quy đổi ra %

lượng đào tạo và các chỉ số đánh giá hiệu quả đào tạo đại học, Học viện cần tiếp tục triển khai các giải pháp theo dõi tiến độ học tập, cảnh báo sớm học vụ, hỗ trợ sinh viên hoàn thành chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học và thực hiện khóa luận/thực tập đúng tiến độ; đồng thời phân tích chuyên sâu đối với các ngành có tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn thấp để có giải pháp cải thiện trong các năm học tiếp theo.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2025-2026

3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

3.1.1. Kết quả đạt được

Chất lượng các hoạt động đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học ngày càng nâng cao và được đầu tư có chiều sâu.

Kết quả học tập của sinh viên ngày càng được cải thiện, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn tăng.

Việc xây dựng kế hoạch và tổ chức học kỳ/năm học ngày càng được tiến hành khoa học, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và đào tạo; các hoạt động quản lý đào tạo, quản lý điểm, khảo thí - đảm bảo chất lượng, quản lý học vụ, xét công nhận tốt nghiệp được tiến hành đúng quy định, chất lượng, hiệu quả.

3.1.2. Nguyên nhân

Học viện đã thực hiện tốt các quy định trong tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và thực hiện chính sách đối với sinh viên, học viên tạo ra sự tin cậy ngày càng cao của người học và xã hội. Hệ thống các chính sách, quy chế, quy định, tài liệu cơ bản đáp ứng tốt cho tổ chức đào tạo, giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học của giảng viên, học viên và sinh viên.

Học viện có chính sách hợp lý nhằm thu hút nhiều giảng viên có trình độ cao (Tiến sĩ, PGS) về công tác tại Học viện, các giảng viên về công tác đều khá hài lòng về chính sách, quy chế, quy trình, đặc biệt công tác chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đào tạo và môi trường công tác trong Học viện qua đó nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đáp ứng yêu cầu hoạt động đào tạo.

Học viện đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, qua đó thúc đẩy giảng viên, học viên, sinh viên nâng cao chất lượng trong thực hiện nhiệm vụ.

Học viện luôn quan tâm đầu tư hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu nhằm đáp ứng tốt yêu cầu học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện của học viên, sinh viên.

Đội ngũ giảng viên, viên chức của Học viện tâm huyết, nhiệt tình, có năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm được sinh viên đánh giá cao luôn sát cánh, đồng hành cùng học viên, sinh viên. Phần lớn số sinh viên, học viên có ý thức học

tập, rèn luyện tốt, có ý thức khắc phục khó khăn trong cuộc sống, có ý thức tổ chức kỷ luật, có động cơ học tập đúng đắn, có ý chí vươn lên trong học tập, tích cực tham gia hoạt động Đoàn Thanh niên và các hoạt động do Học viện tổ chức, có tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau.

3.2. Những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

3.2.1. Hạn chế

Chất lượng học tập của một bộ phận sinh viên chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ sinh viên bị cảnh báo học tập, thôi học hoặc buộc thôi học mặc dù đã được kiểm soát nhưng vẫn ở mức cao.

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đã được cải thiện nhưng chưa đạt mục tiêu và kỳ vọng của Học viện.

Hiệu quả ứng dụng công nghệ số trong một số hoạt động quản lý và giảng dạy chưa đồng đều giữa các đơn vị và cá nhân; một số quy trình nghiệp vụ vẫn còn phụ thuộc nhiều vào thao tác thủ công.

3.2.2. Nguyên nhân hạn chế

Bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế có nhiều biến động; những thay đổi về thị trường lao động, nhu cầu việc làm và điều kiện kinh tế của người học đã tác động nhất định đến tâm lý, động cơ học tập và khả năng duy trì việc học của một bộ phận sinh viên.

Một số sinh viên chưa xác định rõ mục tiêu học tập và định hướng nghề nghiệp; ý thức tự học, tự nghiên cứu và tinh thần phấn đấu trong học tập còn hạn chế. Nhiều sinh viên phải tham gia lao động, làm thêm trong thời gian học tập nhưng chưa cân đối hợp lý giữa học tập và công việc, ảnh hưởng đến kết quả học tập và tiến độ hoàn thành chương trình đào tạo. Tỷ lệ sinh viên chưa đủ điều kiện xét công nhận tốt nghiệp vẫn còn ở mức cao.

Năng lực ứng dụng công nghệ số của một bộ phận giảng viên, đặc biệt là các giảng viên lớn tuổi, còn hạn chế; việc triển khai chuyển đổi số trong một số hoạt động chuyên môn chưa đạt yêu cầu đề ra. Bên cạnh đó, hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện nay đã bộc lộ một số hạn chế về tính năng và khả năng tích hợp, gây khó khăn trong công tác quản lý học vụ, xét tốt nghiệp, quản lý sinh viên học song ngành và xử lý các nghiệp vụ đào tạo phức tạp khác.

IV. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2026 - 2027

4.1. Mục tiêu, chỉ tiêu

Tổ chức thành công Lễ Khai giảng năm học 2026 - 2027 và các hoạt động chào đón tân sinh viên khóa 14, học viên cao học khóa 9 và nghiên cứu sinh khóa 5 theo hướng trang trọng, ý nghĩa, sáng tạo và có sức lan tỏa, góp phần xây dựng hình ảnh, thương hiệu và văn hóa của Học viện.



Tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện công tác tuyển sinh của năm; phân tích kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đề xuất các giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả tuyển sinh trong những năm tiếp theo.

Tiếp tục khảo sát nhu cầu xã hội, nghiên cứu xu hướng phát triển nguồn nhân lực và đánh giá các điều kiện bảo đảm chất lượng để xây dựng, phát triển đề án mở mới từ 01 đến 02 CTĐT/ngành trình độ đại học và 01 CTĐT/ngành trình độ thạc sĩ; chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện về chiến lược phát triển ngành, chuyên ngành đào tạo ngay từ học kỳ I năm học 2026 - 2027.

Tổ chức rà soát, đánh giá và cập nhật định kỳ các chương trình đào tạo theo quy định hiện hành; thực hiện điều chỉnh 02 chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ (Quản trị kinh doanh, Công tác xã hội), 03 chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh, Kinh tế học, Luật) và 11 chương trình đào tạo trình độ đại học nhằm bảo đảm tính cập nhật, hiện đại, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của thị trường lao động.

Tổ chức hiệu quả công tác đăng ký học phần, xây dựng kế hoạch học tập và thời khóa biểu các học kỳ theo hướng khoa học, hợp lý và kịp thời; nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức đào tạo. Bảo đảm tỷ lệ khối lượng giảng dạy do giảng viên cơ hữu đảm nhiệm đạt tối thiểu 70%; 100% giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng triển khai các hoạt động giảng dạy, thảo luận, thực hành và đánh giá quá trình trên hệ thống chuyển đổi số của Học viện.

Xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch năm học; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường ý thức, động cơ và tinh thần học tập của sinh viên, học viên; khuyến khích tính chủ động, sáng tạo trong học tập, nghiên cứu khoa học và rèn luyện. Phần đầu tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn đạt từ 60% trở lên, góp phần nâng cao chất lượng đầu ra và khả năng đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

Tiếp tục cải thiện kết quả học tập của sinh viên; phấn đấu tỷ lệ sinh viên đạt học lực xuất sắc, giỏi từ 10% trở lên; tỷ lệ sinh viên đạt học lực khá trên 60%; tỷ lệ sinh viên hoàn thành các học phần trên 90%; giảm tỷ lệ sinh viên có kết quả học tập yếu, kém xuống dưới 7%.

Triển khai các giải pháp đồng bộ nhằm giảm tỷ lệ sinh viên thôi học, bỏ học so với năm học 2025- 2026; trong đó kiểm soát tỷ lệ thôi học, bỏ học của sinh viên năm thứ nhất dưới 15% và các năm học tiếp theo dưới 10%.

Thực hiện công tác xét cảnh báo kết quả học tập, xử lý học vụ và buộc thôi học đúng quy định, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng tiến độ theo kế hoạch đào tạo.



Tổ chức thành công Lễ Bế giảng và trao bằng tốt nghiệp cho sinh viên khóa 11 (2023 - 2027) và các khóa, chương trình đào tạo đủ điều kiện tốt nghiệp. Thực hiện xét tốt nghiệp tối thiểu 03 đợt trong năm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, học viên hoàn thành chương trình đào tạo và sớm tham gia thị trường lao động.

Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức học tập học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên khóa 14 trong học kỳ I năm học 2026 - 2027 theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng, tiến độ và an toàn.

4.2. Các giải pháp thực hiện, đề xuất về công tác đào tạo

Tăng cường tổ chức các hội thảo chuyên đề, tọa đàm, diễn đàn trao đổi với sự tham gia của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và các bên liên quan; đồng thời đẩy mạnh hoạt động tư vấn, đối thoại với sinh viên nhằm định hướng nghề nghiệp, nâng cao nhận thức, giúp người học xác định rõ mục tiêu, động cơ và phương pháp học tập phù hợp.

Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo theo hướng hiện đại, đồng bộ; ưu tiên xây dựng và trang bị các phòng thực hành, phòng Lab phục vụ đào tạo kỹ năng số và các học phần đặc thù của ngành Truyền thông đa phương tiện, Công nghệ thông tin; bổ sung phòng học lý thuyết, sân bãi và các điều kiện phục vụ giảng dạy học phần Giáo dục thể chất, đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị và cá nhân trong toàn Học viện; gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá chất lượng công việc. Đồng thời, xây dựng các cơ chế khuyến khích, động viên kịp thời đối với giảng viên, viên chức, người học có thành tích tốt; thực hiện nghiêm các quy định đối với các trường hợp chưa hoàn thành hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định.

Chỉ đạo các khoa, viện tiếp tục rà soát, cập nhật và hoàn thiện chương trình đào tạo theo kế hoạch; bảo đảm chương trình đào tạo được ban hành, công bố và phổ biến đầy đủ tới người học trước khi triển khai năm học mới. Tăng cường công tác hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý khoa, bộ môn và cố vấn học tập, đặc biệt là các cố vấn học tập mới, nhằm bảo đảm nắm vững chương trình đào tạo, quy chế đào tạo và các quy định liên quan để tư vấn, hỗ trợ người học hiệu quả.

Thực hiện thường xuyên công tác theo dõi, đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên và kết quả học tập của sinh viên; phân tích dữ liệu học tập để nhận diện sớm các nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo, từ đó xây dựng và triển



khai các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dạy học, cải thiện kết quả học tập, tăng tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giảm các tỷ lệ bất lợi trong đào tạo.

Đẩy mạnh hợp tác, liên kết với các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, tổ chức nghề nghiệp và các đối tác trong và ngoài nước trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, thực hành nghề nghiệp, hướng nghiệp, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng; qua đó nâng cao chất lượng đào tạo và khả năng thích ứng nghề nghiệp của người học.

Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống; triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao ý thức học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Phát huy vai trò của Phòng Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các khoa chuyên môn và đội ngũ cố vấn học tập trong việc đồng hành, hỗ trợ, giám sát và tạo động lực để sinh viên phát triển toàn diện, hoàn thành tốt mục tiêu học tập và rèn luyện./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện;
- Lưu VT, ĐT.



Trần Quang Tiến